**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2017**

**TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2017**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

*Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017*

*Đơn vị tính: VNĐ*



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**



*TP.HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2017*

|  |  |
| --- | --- |
| **KẾ TOÁN TRƯỞNG***(Ký, họ tên)***TRẦN THỊ THÚY LAN** | **TỔNG GIÁM ĐÔC***(Ký, họ tên, đóng dấu)***TRƯƠNG GIA BẢO** |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

*Quý 01 năm 2017*

*Đơn vị tính: VNĐ*



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**



*TP.HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2017*

|  |  |
| --- | --- |
| **KẾ TOÁN TRƯỞNG***(Ký, họ tên)***TRẦN THỊ THÚY LAN** | **TỔNG GIÁM ĐÔC***(Ký, họ tên, đóng dấu)***TRƯƠNG GIA BẢO** |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

*Quý 01 năm 2017*

*Đơn vị tính: VNĐ*



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)**



*TP.HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2017*

|  |  |
| --- | --- |
| **KẾ TOÁN TRƯỞNG***(Ký, họ tên)***TRẦN THỊ THÚY LAN** | **TỔNG GIÁM ĐÔC***(Ký, họ tên, đóng dấu)***TRƯƠNG GIA BẢO** |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Quý 01 năm 2017*

*Đơn vị tính: VNĐ*



*TP.HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2017*

|  |  |
| --- | --- |
| **KẾ TOÁN TRƯỞNG***(Ký, họ tên)***TRẦN THỊ THÚY LAN** | **TỔNG GIÁM ĐÔC***(Ký, họ tên, đóng dấu)***TRƯƠNG GIA BẢO** |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**

*Quý 01 Năm 2017*

1. **ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thành Công (“Công ty”) là một ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 81/UBCK-GP ngày 31 tháng 01 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Công ty có trụ sở hoạt động tại: Lầu 5, số 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Ngành nghề kinh doanh**: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

**Quy mô vốn Công ty**:360.000.000.000 đồng *(Ba trăm sáu mươi tỷ đồng)*

**Tổng số nhân viên**: 18 nhân viên

**Điều lệ hoạt động Công ty**

Điều lệ hoạt động Công ty ban hành vào ngày 11/07/2009 và sửa đổi, bổ sung lần gần nhất vào ngày 31/03/2016.

**Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán**

Công ty thực hiện theo Điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 11 năm 2012 và các sửa đổi bổ sung:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán không được sử dụng quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu để đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp hoặc góp vốn sở hữu tổ chức khác, trong đó không được sử dụng quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu để đầu tư vào các công ty chưa niêm yết.

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên;

đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

e) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c, d và đ khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;

b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);

 c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 42 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này và điểm e khoản 4 Điều này.

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.

**Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp trong kỳ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Lợi nhuận sau thuế của Quý 1/2017 của Công ty lỗ so với Quý 1/2016, số tiền lỗ 6.588.150.780 đồng.

1. **KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG**

**Năm tài chính**

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo thu nhập riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông

1. **CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty lập Báo cáo tài chính áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 334/2014/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành theo:

* Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
* Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
* Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
* Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
* Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán theo Thông tư 334/2014/TT-BTC ngày 27/12/2014 của Bộ tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Hình thức kế toán áp dụng**: Nhật ký chung.

1. **CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL)**

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính do pháp luật chứng khoán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

Chi phí mua tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

**Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phái sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) hoặc nhóm tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực..

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thế xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

* Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
* Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

**Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)**

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là (a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu, (b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc (c) Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ.

**Nguyên tắc đánh giá lại tài sản tài chính**

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá thị trường được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, hoặc giá thị trường có nhiều biến động, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban lãnh đạo Công ty chấp thuận.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo bảng giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán

**Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính**

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá tri tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày đánh giá lại tài sản tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách vá giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC và Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên thời gian quá hạn của các khoản cho vay theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC hoặc dựa trên dự phòng ước tính từ việc không chắc chắn về khả năng thu hồi của những khoản cho vay đó.

**Các khoản phải thu**

***Phải thu bán tài sản tài chính (TSTC)***

Toàn bộ giá trị phải thu khi bán tài sản tài chính thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty theo kết quả bù trừ thanh toán bán TSTC qua Sở Giao dịch chứng khoán ghi nhận tại ngày T, kể cả giá trị đáo hạn hoặc thanh lý các TSTC theo dõi qua chỉ tiêu “Phải thu bán các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính riêng.

***Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC***

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các TSTC thuộc Danh mục đầu tư của Công ty được ghi nhận khi Công ty được hưởng quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập (tại ngày không hưởng quyền) đối với các cổ phiều hình thành trước ngày giao dịch không hưởng quyền và có Thông báo chia cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền lãi phát sinh từ các khoản tài chính của Công ty được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo thời gian và lãi suất thực tế trong kỳ kế toán.

Hàng tháng, Công ty dự thu các khoản lãi phát sinh từ các TSTC theo lãi suất thực tế và thời gian phát sinh trong kỳ.

Tất cả các khoản trên đều được theo dõi tại chỉ tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính riêng.

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| *Loại tài sản cố định* | *Số năm khấu hao* |
| Máy móc thiết bị | 5 – 8 năm |
| Phương tiện vận tải | 10 năm |
| Thiết bị văn phòng | 6 – 8 năm |

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ ba (03) đến tám (08) năm.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các thiết bị bảo mật và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ hai đến ba năm.

**Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thế hay chi phí hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm lỗ mang sang, nếu có) và các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Doanh thu**

Doanh thu, thu nhập được Công ty ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.

***Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn***

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo thu nhập toàn diện trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ; lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo thu nhập toàn diện trên cơ sở dồn tích).

***Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo thu nhập toàn diện trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

***Lãi từ các khoản cho vay và phải thu***

Doanh thu lãi thu được từ hoạt động giao dịch ký quỹ và hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

***Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư***

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động khi thực thu.

***Hoạt động tư vấn***

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo thu nhập toàn diện khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Hoạt động lưu ký chứng khoán***

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo kết quả hoạt động khi thực thu.

***Doanh thu khác***

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi tại Quỹ hỗ trợ thanh toán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ hoạt động không được dùng để chia cho cổ đông

**Các quỹ**

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

1. **TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN:** *(Đơn vị tính: VNĐ)*



(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn có kỳ hạn từ một tháng đến ba tháng. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn cố định hưởng lãi suất trung bình là 5,46%/năm (năm 2016: 5,38%/năm)

1. **GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ**



1. **CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

**7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL):** *(Đơn vị tính: VNĐ)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tài sản FVTPL** | **Số cuối kỳ** | **Số đầu năm** |
| **Giá gốc** | **Giá trị hợp lý** | **Giá gốc** | **Giá trị hợp lý** |
| Cổ phiếu niêm yết | 13.727.824  | 15.243.750  | 13.727.824  | 13.130.704  |
| Cổ phiếu hủy niêm yết | 10.700.000  | -  | 10.700.000  | -  |
| **Tổng cộng** | **24.427.824**  | **15.243.750**  | **24.427.824**  | **13.130.704**  |

**7.2 Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM):** *(Đơn vị tính: VNĐ)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tài sản HTM** | **Số cuối kỳ** | **Số đầu năm** |
| **Giá trị ghi sổ** | **Giá trị hợp lý** | **Giá trị ghi sổ** | **Giá trị hợp lý** |
| Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm (\*) |  22.000.000.000  |  22.000.000.000  |  22.000.000.000  |  22.000.000.000  |
| Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm (\*\*) |  22.000.000.000  |  22.000.000.000  |  22.000.000.000 |  22.000.000.000 |
| **Tổng** |  **44.000.000.000**  |  **44.000.000.000**  |  **44.000.000.000** |  **44.000.000.000** |

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm thể hiện các khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng ngắn hạn có kỳ hạn từ trên ba tháng đến dưới một năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn cố định hưởng lãi suất trung bình là 7,50%/năm (năm 2016: 7,50%/năm)

(\*\*) Tiền gửi có kỳ hạn trên một năm thể hiện các khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng dài hạn có kỳ hạn trên một năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn cố định hưởng lãi suất trung bình là 13,00%/năm (năm 2016: 13,00%/năm)

**7.3 Các khoản cho vay:** *(Đơn vị tính: VNĐ)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tại ngày 31/03/2017** | **Giá gốc** | **Dự phòng** | **Giá trị hợp lý** |
| Cho vay hoạt động ký quỹ | 52.720.471.924  | 14.634.897.527  | 38.085.574.397  |
| Ứng trước tiền bán chứng khoán | 3.790.304.671  | 1.053.000.000  | 2.737.304.671  |
| **Tổng cộng** | **56.510.776.595**  | **15.687.897.527**  | **40.822.879.068**  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tại ngày 31/12/2016** | **Giá gốc** | **Dự phòng** | **Giá trị hợp lý** |
| Cho vay hoạt động ký quỹ |  51.557.810.533  |  6.829.248.809  |  44.728.561.724  |
| Ứng trước tiền bán chứng khoán |  3.561.428.801  |  -  |  3.561.428.801  |
| **Tổng cộng** |  **55.119.239.334**  |  **6.829.248.809**  |  **48.289.990.525**  |

**7.4 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản chính và tài sản thế chấp:** *(Đơn vị tính: VNĐ)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khoản mục** | **Số cuối kỳ** | **Số đầu năm** |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | -  | -  |
| Các khoản cho vay | 15.687.897.527 | 6.829.248.809 |
| **Tổng cộng** | **15.687.897.527** | **6.829.248.809** |

1. **CÁC KHOẢN PHẢI THU:** *(Đơn vị tính: VNĐ)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khoản mục** | **Số cuối kỳ** | **Số đầu năm** |
| **Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư** | **3.560.908.976**  | **2.191.610.680**  |
| Phải thu bán tài sản tài chính |   |   |
| Phải thu cổ tức từ các tài sản tài chính |   | -  |
| Phải thu tiền lãi giao dịch ký quỹ | 406.050.097  | 590.502.639  |
| Dự thu tiền lãi của các khoản đầu tư chưa đến ngày nhận | 3.154.858.879  | 1.601.108.041  |
| **Phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp** | **503.902.450**  | **248.816.091**  |
| Phải thu hoa hồng môi giới chứng khoán | 1.603.330  | 532.198  |
| Phải thu thuế thu nhập cá nhân chuyển nhượng  | 579.236  | 98.201  |
| Phải thu giá trị mua chứng khoán của nhà đầu tư | 480.113.700  | 237.382.600  |
| Phải thu phí lưu ký của nhà đầu tư | 21.606.184  | 10.803.092  |
| **Tổng cộng** | **4.064.811.426**  | **2.440.426.771**  |

1. **CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

Đây là phải thu khác từ Ông Đoàn Quang Sang - cổ đông của Công ty, tương ứng với giá trị của 400.000 cổ phiếu liên quan đến vụ kiện giữa Công ty và Ông Nguyễn Thành Chung. Trước đó, Ông Nguyễn Thành Chung nộp tiền góp vốn mua cổ phần vào Công ty nhưng đứng dưới tên cổ đông sáng lập Ông Đoàn Quang Sang. Sau khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập, Ông Chung đề nghị Ông Sang chuyển trả 400.000 cổ phần (tương đương 4.000.000.000 đồng mệnh giá) cho Ông Chung, nhưng Ông Sang từ chối vì cho rằng Ông Chung còn nợ Ông Sang một số tiền. Ông Sang sau đó đã dùng 200.000 cổ phần trong tổng số 400.000 cổ phần đứng tên giúp Ông Chung để cấn trừ số tiền mà Ông Chung nợ Ông Sang. Không nhận được cổ phiếu, Ông Chung đã khởi kiện Công ty để đòi lại 4.000.000.000 đồng đã nộp mua cổ phần và Tòa án đã chấp nhận yêu cầu của Ông Chung. Công ty đã trả cho Ông Nguyễn Thành Chung giá trị của khoản vốn góp 4.000.000.000 đồng theo bản án phúc thẩm số 10/2012/KDTM-PT vào ngày 12 tháng 10 năm 2012. Sau đó, Công ty đã làm việc trực tiếp với Ông Sang và đã đạt được thỏa thuận với Ông Đoàn Quang Sang là người có nghĩa vụ phải hoàn trả lại cho Công ty số tiền 4.000.000.000 đồng mà Công ty đã trả cho Ông Chung như đề cập trên đây. Ông Sang đã ủy quyền toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan đến 200.000 cổ phiếu (tương đương 2.000.000.000 đồng) hiện ông Sang đang đứng tên cho Ông Trương Gia Bảo - Tổng Giám đốc và đại diện pháp luật của Công ty. Tiếp đó, ngày 08 tháng 8 năm 2013, Công ty và Ông Sang đã đạt được thống nhất bằng văn bản về hướng xử lý liên quan việc hoàn trả toàn bộ 400.000 cổ phiếu (tương đương 4.000.000.000 đồng).

Tuy vậy, sau gần một năm nhưng Ông Sang vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ của mình như đã thỏa thuận với Công ty. Do đó, ngày 16 tháng 6 năm 2014, Công ty đã tiến hành nộp đơn khởi kiện Ông Sang ra Tòa án có thẩm quyền để thu hồi toàn bộ 400.000 cổ phiếu (tương đương 4.000.000.000 đồng). Ngày 10 tháng 7 năm 2014, vụ án đã được thụ lý và được chuyển lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để tiến hành thủ tục tố tụng. Tiếp theo, ngày 25 tháng 10 năm 2014, Tòa án đã có thông báo triệu tập lần thứ nhất để tiến trình giải quyết vụ kiện. Qua nhiều lần tiến hành hòa giải trong năm 2015 nhưng không thành công, năm 2016 Ông Đoàn Quang Sang tiếp tục được Tòa án triệu tập 3 lần. Lần triệu tập đầu tiên ngày 10 tháng 3 năm 2016, ông Sang đã vắng mặt. Lần triệu tập thứ 2 ngày 16 tháng 6 năm 2016, ông Sang đã tham dự và cung cấp lời khai. Lần triệu tập thứ 3 ngày 9 tháng 11 năm 2016 xuất hiện tình tiết mới khi ông Sang yêu cầu sự tham gia của bên có nghĩa vụ và quyền lợi liên quan là Công ty Cổ phần Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công. Vụ kiện sẽ tiếp tục được cơ quan chức năng thụ lý và giải quyết trong năm tới.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã trích lập đủ 100% giá trị khoản phải thu của 200.000 cổ phần còn lại (tương đương 2.000.000.000 đồng) do Công ty vẫn chưa thu hồi được 200.000 cổ phần còn lại (tương đương 2.000.000.000 đồng)

1. **CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC:** *(Đơn vị tính: VNĐ)*



1. **TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH:** *(Đơn vị tính: VNĐ)*



Tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 13.924.225.666 đồng (tại ngày 31/12/2016 là: 13.474.900.477 đồng).

1. **TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH:** *(Đơn vị tính: VNĐ)*



Tổng nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 2.969.209.614 đồng (tại ngày 31/12/2016 là: 2.969.209.614 đồng).

1. **TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN:** *(Đơn vị tính: VNĐ)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khoản mục** | **Số cuối kỳ** | **Số đầu năm** |
| Tiền nộp ban đầu | 120.000.000  | 120.000.000  |
| Tiền nộp bổ sung | 700.692.832  | 403.441.984  |
| Tiền lãi phân bổ trong kỳ | 183.415.448  | 145.640.401  |
| **Tổng cộng** | **1.004.108.280**  | **669.082.385**  |

1. **PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN:** *(Đơn vị tính: VNĐ)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khoản mục** | **Số cuối kỳ** | **Số đầu năm** |
| Phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán | 6.740.192  | 76.428.266  |
| Phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam | 768.019.170  | 304.558.777  |
| **Tổng cộng** | **774.759.362**  | **380.987.043**  |

1. **THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC:** *(Đơn vị tính: VNĐ)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khoản mục** | **Số cuối kỳ** | **Số đầu năm** |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 566.699.029  | 689.066.649  |
| Thuế Thu nhập cá nhân | 24.926.170  | 16.198.573  |
| Thuế GTGT | -  | 353.508  |
| **Tổng cộng** | **591.625.199**  | **705.618.730**  |

1. **CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN:** *(Đơn vị tính: VNĐ)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khoản mục** | **Số cuối kỳ** | **Số đầu năm** |
| Chi phí tư vấn pháp luật | -  | -  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 323.671.584  | 172.100.000  |
| Phí dịch vụ quản lý khác | 23.875.758  | 138.791.683  |
| **Tổng cộng** | **347.547.342**  | **310.891.683**  |

1. **VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khoản mục** | **Số cuối kỳ** | **Số đầu năm** |
| **Được phép phát hành và đã góp vốn đủ**  |   |   |
| Số lượng (cổ phần) | 36.000.000  | 36.000.000  |
| Mệnh giá (đồng/cổ phần) | 10.000  | 10.000  |
| Giá trị (VND) |  **360.000.000.000**  | **360.000.000.000**  |

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

1. **THU NHẬP**

**18.1 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính:** *(Đơn vị tính: VNĐ)*



**18.2 Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính: *(Đơn vị tính: VNĐ)***



**18.3 Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay:** *(Đơn vị tính: VNĐ)*



**18.4 Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính:** *(Đơn vị tính: VNĐ)*



1. **CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:** *(Đơn vị tính: VNĐ)*



1. **CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY:** *(Đơn vị tính: VNĐ)*



1. **CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:** *(Đơn vị tính: VNĐ)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khoản mục** | **Quý 1-2017** | **Quý 1-2016** |
| **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** |  **(6.020.518.400)** | **5.674.741.922**  |
| **Các khoản điều chỉnh tăng giảm** |   |  |
| Cộng: Các khoản chi phí không được trừ | 8.859.234.697  | 9.000.000  |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế |  (554.400) |  (435.003.000) |
| **Thu nhập chịu thuế** | **2.838.161.897**  | **5.248.738.922**  |
| Lỗ tính thuế mang sang | - | -  |
| Thu nhập tính thuế | **2.838.161.897**  | **5.248.738.922**  |
| Thuế suất | 20% | 20% |
| **Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành** | **567.632.380**  | **1.049.747.784**  |

**Giải thích chênh lệch lợi nhuận Quý 01/2017 với Quý 01/2016**

Kết quả kinh doanh Quý 1/2017 giảm rất mạnh so với Quý 1/2016, chủ yếu là do:

* Doanh thu hoạt động giảm 5.134.152.713 tương ứng với tỷ lệ 46,83% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó Doanh thu từ các khoản cho vay và Doanh thu môi giới giảm mạnh nhất tương ứng với tỷ lệ 82,12% và 96,09% so với Quý 1/2016
* Chi phí hoạt động tăng mạnh tương ứng với tỷ lệ 153% so với Quý 1/2016, nguyên nhân là trong quý 1/2017 Công ty có trích lập dự phòng cho các khoản cho vay ký quỹ (Quý 1/2016 Công ty không có trích lập khoản này).
1. **NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Danh sách các bên liên quan** | **Mối quan hệ** |
| Công ty Cổ phần Dệt May Thành Công | Cổ đông |
| Seamico Securities PLC | Cổ đông |
| Ông Đoàn Quang Sang | Cổ đông |

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch phát sinh với các bên liên quan gồm:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Số cuối kỳ**(VNĐ) | **Số đầu năm**(VNĐ) |
| Chi phí họp phải trả cho Seamico Securities PLC | - | 46.616.447 |

Số dư của các bên liên quan:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Số cuối kỳ(VNĐ)** | **Số đầu năm(VNĐ)** |
| Phải thu khác từ Ông Đoàn Quang Sang | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 |

*TP.HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2017*

|  |  |
| --- | --- |
| **KẾ TOÁN TRƯỞNG***(Ký, họ tên)***TRẦN THỊ THÚY LAN** | **TỔNG GIÁM ĐÔC***(Ký, họ tên, đóng dấu)***TRƯƠNG GIA BẢO** |